

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/TT-BGTVT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo lần 2

THÔNG TƯ

**Quy định cơ chế quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa
và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không**

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định cơ chế quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về cơ chế quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng và quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.

Điều 2. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ

Giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 22 Luật Giá.

Điều 3. Quy định về thu tiền sử dụng dịch vụ

1. Đối với dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa

a) Giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa bán trong lãnh thổ Việt Nam được quy định bằng Đồng Việt Nam (VND);

b) Giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa bán ngoài lãnh thổ Việt Nam được quy định bằng đồng tiền địa phương hoặc đồng tiền tự do chuyển đổi phù hợp với quy định tại quốc gia đó.

2. Đối với dịch vụ hàng không

a) Dịch vụ cung cấp cho chuyến bay nội địa: đồng tiền thu sử dụng dịch vụ được quy định bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Việc niêm yết, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thực hiện bằng đồng Việt Nam (VNĐ);

b) Dịch vụ cung cấp cho chuyến bay quốc tế: đồng tiền thu sử dụng dịch vụ được quy định bằng đô la Mỹ (USD). Việc niêm yết, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

3. Đối với dịch vụ phi hàng không

a) Tại nhà ga nội địa và khu vực ngoài cách ly nhà ga quốc tế: giá dịch vụ được quy định bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Việc niêm yết, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thực hiện bằng đồng Việt Nam (VNĐ);

b) Tại khu vực cách ly nhà ga quốc tế: giá dịch vụ được quy định bằng đô la Mỹ (USD). Việc niêm yết, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 4. Chính sách giá ưu đãi

1. Chính sách giá ưu đãi được xây dựng và ban hành trên cơ sở đảm bảo tính minh bạch, công khai, không phân biệt đối xử giữa các đối tượng sử dụng dịch vụ trong cùng loại dịch vụ cung ứng.

2. Bộ Giao thông vận tải quy định chính sách giá ưu đãi đối với dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải định giá cụ thể.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ chủ động xây dựng và ban hành chính sách ưu đãi, giảm giá của đơn vị mình.

Điều 5. Định giá

1. Danh mục dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải định giá

a) Danh mục dịch vụ hàng không do Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá cụ thể: Dịch vụ cất cánh, hạ cánh tàu bay; Dịch vụ điều hành bay đi, đến; Dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay; Dịch vụ đảm bảo an ninh hàng không; Dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý;

b) Danh mục dịch vụ hàng không do Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá: Dịch vụ cho thuê sân đậu tàu bay; Dịch vụ cho thuê quầy làm thủ tục hành khách; Dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; Dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại

các cảng hàng không, sân bay; Dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; Dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; Dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay; Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không;

c) Danh mục dịch vụ phi hàng không do Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá: Dịch vụ cho thuê mặt bằng cảng hàng không, sân bay; Dịch vụ cơ bản thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay;

d) Giá dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa do Bộ Giao thông vận tải quy định mức tối đa;

đ) Việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại Luật Giá và Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá.

2. Lập, thẩm định hồ sơ phương án giá, ban hành văn bản định giá

a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm lập phương án giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về phương án giá do mình lập;

b) Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định phương án giá quy định tại điểm a khoản này;

c) Việc lập, thẩm định hồ sơ phương án giá, ban hành văn bản định giá hoặc điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá.

Điều 6. Kê khai giá

1. Danh mục dịch vụ thực hiện kê khai giá

a) Dịch vụ cơ bản thiết yếu tại cảng hàng không sân bay;

b) Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa.

2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thực hiện việc kê khai giá.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá dịch vụ của các tổ chức kinh doanh dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Các cảng vụ hàng không có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá dịch vụ của các tổ chức kinh doanh dịch vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo phạm vi quản lý.

5. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá.

6. Cơ quan tiếp nhận kê khai có trách nhiệm tổ chức việc cập nhật thông tin giá kê khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định.

Điều 7. Niêm yết giá

Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thực hiện việc niêm yết giá dịch vụ theo quy định tại Điều 29 Luật Giá.

Điều 8. Công khai thông tin về giá

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, các Cảng vụ hàng không thực hiện công khai các nội dung sau đây

a) Chủ trương, đề án, báo cáo về biện pháp quản lý, điều tiết giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; văn bản quy phạm pháp luật về giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không;

b) Văn bản định giá các dịch vụ quy định khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện công khai các nội dung sau đây:

a) Giá cụ thể hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân tự định giá trong khung giá, giá tối đa do Bộ Giao thông vận tải ban hành;

b) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

c) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm công khai thông tin quy định tại Điều này phải bảo đảm tính chính xác, trung thực, kịp thời và chịu trách nhiệm về nội dung công khai.

4. Việc công khai các thông tin quy định tại Điều này được thực hiện theo hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân hoặc hình thức phù hợp khác. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì công khai bằng hình thức gửi văn bản đến cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giá; đối với các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thì công khai bằng hình thức cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giá.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Bộ Giao thông vận tải

a) Quyết định mức giá cụ thể, khung giá, mức giá tối đa các dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;

b) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không, giao nhiệm vụ kiểm tra cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

2. Cục Hàng không Việt Nam

a) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về quản lý giá theo quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện thông báo danh sách tổ chức phải thực hiện kê khai giá dịch vụ vận chuyển hàng khách hàng không nội địa theo quy định;

c) Thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không theo thẩm quyền.

3. Các cảng vụ hàng không

a) Thường xuyên giám sát và đôn đốc việc thực hiện quy định về giá dịch vụ phi hàng không của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không sân bay;

b) Thực hiện thông báo danh sách tổ chức phải thực hiện kê khai giá cơ bản thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay theo quy định;

c) Thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá dịch vụ phi hàng không theo thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ

1. Thực hiện các quy định về quản lý giá theo quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Lập và gửi báo cáo về tình hình thực hiện giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Bãi bỏ các Thông tư sau:

- Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không;

- Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không;

- Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam;

- Thông tư số 17/2019/TT-BGTVT ngày 03 tháng 05 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ vận chuyển hành khách trên các đường bay nội địa; Thông tư số 34/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2019/TT-BGTVT ngày 03 tháng 05 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ vận chuyển hành khách trên các đường bay nội địa;

- Thông tư số 13/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, VTài (B5)



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng